

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 3 - 2021

“V/v tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

Ông Huỳnh Văn Hùng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Bà Lê Thị Kim Trang – kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 667/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/02/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1989, nơi cư trú: ấp MB, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp MB, xã TMT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Tr chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Mỹ Tây. Chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông bà đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do đó ông yêu cầu được ly hôn với bà Tr.

Về quan hệ con chung: ông bà có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Văn K, sinh ngày 11/5/2010 và Huỳnh Ngọc N.Y sinh ngày 06/7/2016. Hiện đang sống cùng

ông, khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn bà Lê Thị Tr đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng bà không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, cho ông H ly hôn với bà Tr. Ông bà có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Văn Kiệt, sinh ngày 11/5/2010 và Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/7/2016. Giao con chung cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng và bà Tr không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Tr, địa chỉ cư trú của bà Tr là tại xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr và ông H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà Tr và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xác định hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng giữa ông H và bà Tr theo Luật hôn nhân và gia đình 2014. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Tr.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Tr để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay bà Tr vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định bà Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng ông bà như thế nào thì địa phương không rõ. Theo ông H trình bày ông bà do bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục chung sống nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

[2.4] Theo quy định tại điều 19 Luật hôn nhân và gia đình 2014 là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống cũng như nghĩa vụ sống chung với nhau. Nhưng trên thực tế ông bà đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay nhưng vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong suốt thời gian ly thân, hai bên không còn liên lạc hay lui tới thăm nom, chăm sóc lẫn nhau. Nay ông H yêu cầu ly hôn và ông từ chối hòa giải cũng như xin vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, cho thấy sự kiên quyết trong việc yêu cầu ly hôn, phía bà Tr thì vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án, không có thể hiện thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của ông H. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của ông H với bà Tr là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.5] Về con chung: ông bà có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Văn Kiệt, sinh ngày 11/5/2010 và Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/7/2016 hiện đang do ông H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, để đảm bảo ổn định tâm lý, cuộc sống sinh hoạt của con chung và phù hợp nguyện vọng của con chung theo biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2021 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 02 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận giao con chung cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng và bà Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H và thành viên gia đình không được cản trở bà Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Tr không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Huỳnh Văn H ly hôn với bà Lê Thị Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2013, quyền số 01/2013 ngày 27 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh Văn H và bà Lê Thị Tr không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Văn Kiệt, sinh ngày 11/5/2010 và Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 06/7/2016 hiện đang do ông H nuôi dưỡng. Giao hai con chung cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng và bà Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H và thành viên gia đình không được ngăn cản bà Tr trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008531 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Bà Lê Thị Tr không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn H, bà Lê Thị Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hường